TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2022
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Xuân Huế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Phương

2. Bà Trần Thị Xuân Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2021, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Th, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn T1, xã V, huyện P, tỉnh T. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn C1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn Thủy Y, xã L, huyện P, tỉnh T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 04/11/2021 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Th và anh Nguyễn C1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V ngày 24/3/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, hai người không tin tưởng nhau, anh C1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Từ tháng 10/2020 cho đến nay chị Th và anh C1 sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn C1.

Về con chung: Chị Th trình bày vợ chồng có 02 người con chung là Nguyễn Huỳnh Phương A, sinh ngày 11/01/2012; Nguyễn Huỳnh Phương Đ, sinh ngày

06/11/2013. Chị Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con cho đến khi con đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh C1 nhưng quá thời hạn luật định, anh C1 không có bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải.

Kết quả xác minh, gia đình anh C1 cho biết: Anh Nguyễn C1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thủy Y, xã L, huyện P, tỉnh T. Anh C1 và chị Th đăng ký kết hôn ngày 24/3/2011. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên hai người sống ly thân. Anh C1 đã biết được việc chị Th nộp đơn đến Tòa án để xin ly hôn nhưng do anh C1 bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Bị đơn nhiều lần vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa nên ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí xử buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo quy định tại Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn là hợp lệ. Tại phiên tòa, anh C1 vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Th và anh Nguyễn C1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Hưng ngày 24/3/2011, do đó quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 10 năm 2020 đến nay chị Th và anh C1 sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc nhau, chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th, anh C1 đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

[2.2] Về việc nuôi con chung:

Xét yêu cầu nuôi con của chị Th thấy rằng: Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai người con chung của vợ chồng cháu Nguyễn Huỳnh Phương A, sinh ngày 11/01/2012; Nguyễn Huỳnh Phương Đ, sinh ngày 06/11/2013 đều do chị Th chăm sóc, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với chị Th. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Th, giao cháu Phương A và cháu Phương Đ cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Th được ly hôn anh Nguyễn C1.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Phương A, sinh ngày 11/01/2012; Nguyễn Huỳnh Phương Đ, sinh ngày 06/11/2013 cho chị Huỳnh Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh C1 có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002325 ngày 05/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- UBND xã Vinh Hưng, huyện Phú Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Xuân Huế